

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 20-7-2023

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Tổng;

Bà Đinh Thị Bích Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLST-DS ngày 02
tháng 3 năm 2023 về tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết
định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các
đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1968; cư trú tại: **ấp B, xã B, huyện
G, tỉnh Tiền Giang**.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Đậu Văn C**, sinh năm 1988;
cư trú tại: **ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương**, là người đại diện theo ủy quyền
(văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 02 năm 2023), có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Phan Văn B**, sinh năm 1968; cư trú tại: **ấp C, xã T, huyện B,
tỉnh Bình Dương**, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972;
cư trú tại: **ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang**, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử
vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2023 của nguyên đơn ông **Trần Văn P**, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh **Đậu Văn C** là người đại diện hợp pháp của ông **Trần Văn P** trình bày:

Ông **P** và ông **Phan Văn B** có mối quan hệ làm ăn chung với nhau. Khoảng trước 2016, ông **B** có vay của ông **P** tổng số tiền 947.000.000 đồng để thành lập công ty, vay không có lãi, hai bên không lập giấy vay tiền.

Đến ngày 19 tháng 12 năm 2016, ông **P** yêu cầu ông **B** trả tiền. Do ông **B** chưa có tiền trả nên ông **B** làm Giấy hẹn trả tiền ngày 19 tháng 12 năm 2016, ông **B** là người trực tiếp viết giấy hẹn, ký và ghi họ tên. Theo giấy hẹn trả tiền, ông **B** hẹn thời hạn trả tiền trước ngày 28 tháng 02 năm 2017, bao gồm tiền gốc là 947.000.000 đồng và tiền lãi là 453.000.000 đồng; tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng. Số tiền lãi là 453.000.000 đồng do ông **B** tự xác định.

Đến hạn thanh toán nhưng ông **B** không trả nợ gốc và khoản tiền lãi nào cho ông **P**. Do ông **P** ở xa nên đến ngày 14 tháng 02 năm 2023, ông **P** mới khởi kiện ông **B**.

Tại đơn khởi kiện ban đầu, ông **P** yêu cầu ông **B** trả cho ông **P** số tiền nợ gốc là 947.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 28 tháng 02 năm 2017 đến ngày 28 tháng 02 năm 2023 là 471.606.000 đồng; tổng số tiền ông **B** phải trả cho ông **P** là 1.418.606.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông **P** yêu cầu ông **B** phải trả cho ông **P** số tiền nợ gốc là 947.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm), tính từ ngày đầu tiên hết hạn trả nợ là ngày 28 tháng 02 năm 2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 20 tháng 7 năm 2023 là 76 tháng 22 ngày là 603.131.673 đồng; tổng số tiền ông **B** phải trả cho ông **P** là 1.550.131.673 đồng.

Bị đơn ông **Phan Văn B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông **B** đều vắng mặt không lý do.

Tại Bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị T** trình bày: bà **T** là vợ ông **P**. Bà **T** thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông **P**.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của ông **P** là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: các bên tranh chấp phát sinh từ Giấy hẹn trả tiền ngày 19 tháng 12 năm 2016 (bút lục số 12). Do đến hạn ông B không trả nợ nên ông P khởi kiện ông B, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về thẩm quyền:

Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự là một loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông P khởi kiện ông B theo địa chỉ của ông B được ghi trong giấy hẹn trả tiền là ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Biên bản xác minh ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Công an xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương do Tòa án lập (bút lục số 41), ông B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này nhưng hiện nay không còn sinh sống tại địa phương. Việc ông B thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho ông P biết về nơi cư trú mới theo khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giấy hẹn trả tiền ngày 19 tháng 12 năm 2016 được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật), hai bên thỏa thuận hẹn đến trước ngày 28 tháng 02 năm 2017, ông B sẽ hoàn trả đủ tiền gốc và lãi. Đây là giao dịch dân sự đang được thực hiện, các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận, tuy nhiên giao dịch dân sự này có nội dung và hình thức khác với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Các vấn đề khác về tố tụng:

Quá trình tố tụng, Tòa án đã đưa vợ ông P là bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Trong Giấy hẹn trả tiền ngày 19 tháng 12 năm 2016 còn có chữ ký của người làm chứng 1 Huỳnh Văn P1 và người làm chứng 2 Nguyễn Thị Thúy H, quá trình tố tụng, các đương sự không đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng; đồng thời

qua xác minh, thu thập chứng cứ không làm rõ được thông tin cá nhân và nơi cư trú hiện nay của hai người này nên Tòa án không triệu tập họ tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng theo Điều 77 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông P yêu cầu ông B phải trả cho ông P số tiền nợ gốc là 947.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 28 tháng 02 năm 2017 đến ngày 20 tháng 7 năm 2023 là 603.131.673 đồng, tổng số tiền ông B phải trả cho ông P là 1.550.131.673 đồng:

Về tiền nợ gốc: Giấy hẹn trả tiền ngày 19 tháng 12 năm 2017 có chữ ký, chữ viết họ tên của người hẹn trả tiền là ông B, thể hiện ông B có vay của ông P số tiền 947.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho ông B thông qua thủ tục cấp, tổng đạt trực tiếp và thủ tục niêm yết công khai theo Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được coi là hợp lệ. Ông B đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, tuy nhiên, ông B không đến Tòa để tham gia tố tụng, cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông P. Mặc nhiên, ông B đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do ông P đưa ra. Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền giữa các bên là có thật, phù hợp với khoản 1 Điều 401 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005, là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc vay tiền giữa các bên có thỏa thuận thời gian trả nợ và có lãi nên đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Khi đến hạn thanh toán, ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên ông P khởi kiện ông B là có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Như vậy, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông B phải trả số tiền nợ gốc là 947.000.000 đồng cho ông P.

Về tiền lãi: lãi suất được ghi trong Giấy hẹn trả tiền ngày 19 tháng 12 năm 2017 với số tiền 453.000.000 đồng là không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi đến hạn nhưng ông B không trả nợ gốc và khoản tiền lãi nào cho ông P nên ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Xét mức lãi suất theo yêu cầu của ông P là 0,83%/tháng (10%/năm), không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng N (09%/năm, tức 0,75%/tháng), cũng phù hợp với khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; xét thời gian trả tiền lãi theo yêu cầu của ông P tính từ ngày đầu tiên hết hạn trả nợ là ngày 28 tháng 02 năm 2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 20 tháng 7 năm 2023 là 76 tháng 22 ngày là hoàn toàn phù hợp. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông B phải có trách nhiệm trả cho ông P số tiền lãi là: $947.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 76 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 603.131.673 \text{ đồng}$.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông B phải trả cho ông P tổng số tiền là 1.550.131.673 đồng.

[8] Về án phí: ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, Điều 77, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 401, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 40, khoản 2 Điều 468 và điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng N về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P đối với ông Phan Văn B về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản:

Buộc ông Phan Văn B phải trả cho ông Trần Văn P tổng số tiền 1.550.131.673 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi triệu một trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng), gồm: tiền nợ gốc là 947.000.000 đồng (chín trăm bốn mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi là 603.131.673 đồng (sáu trăm lẻ ba triệu một trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng).

2. Về án phí:

Ông Trần Văn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.279.090 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn không trăm chín mươi

đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009668 ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông **Phan Văn B** phải chịu 58.503.950 đồng (năm mươi tám triệu năm trăm lẻ ba nghìn chín trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên